

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC – HIỂU(4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Hi vọng là một thứ rất tuyệt diệu. Hi vọng cong, xoắn, thỉnh thoảng nó khuất đi, nhưng hiếm khi nó tan vỡ... Hi vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được... Hi vọng cho chúng ta có thể tiếp tục, cho chúng ta can đảm để tiến lên phía trước, khi chúng ta tự nhủ là mình sắp bỏ cuộc...

Hi vọng đặt nụ cười lên gương mặt chúng ta khi mà trái tim không chủ động được điều đó...

Hi vọng đặt đôi chân chúng ta lên con đường mà mắt chúng ta không nhìn thấy được ...

Hi vọng thúc giục chúng ta hành động khi tinh thần chúng ta không nhận biết được phương hướng nữa... Hi vọng là điều kỳ diệu, một điều cần được nuôi dưỡng và áp ủ và đổi lại nó sẽ làm cho chúng ta luôn sống động... Và hi vọng có thể tìm thấy trong mỗi chúng ta, và nó có thể mang ánh sáng vào những nơi tăm tối nhất...

Đừng bao giờ đánh mất hi vọng!

(Trích: “Luôn mỉm cười với cuộc sống”, Nhã Nam tuyển chọn, NXB Trẻ, 2011, tr.05)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

Câu 2. Hình ảnh “hi vọng” được tác giả miêu tả qua những từ ngữ nào?

Câu 3. Việc lặp lại hai từ “hi vọng” trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 4. Em hiểu như thế nào về ý kiến: *Hi vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được ?*

Câu 5. Theo em, thông điệp có ý nghĩa nhất trong đoạn trích là gì? Vì sao?

II. VIẾT (4,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) bàn về ý nghĩa của sự hi vọng.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích nhân vật bé Em trong truyện ngắn sau:

Con bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá trời nên tính trước, nếu mừng một con bé Em đi về ngoại thì mừng hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thật nơ, bầu viên kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi xách cặn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm:

- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mấy có đồ mới chưa?

- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đống, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

- Vậy mày được mấy bộ?

- Có một bộ hà.

Con bé Em trợn mắt:

- Ít quá vậy?

- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?

Bé Em mắt húng hắng, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.

Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

- Còn mày?

- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mừng một tới mừng bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết tron. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sảy luôn.

- Mày sướng rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh hai nó để lại. Áo nó thì chuyên cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mềm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chó không so đo chuyện cũ mới. Má nó nói hoài: “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”. Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:

- Bộ đồ mày may chắc đẹp lắm, bữa mừng hai mày mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mừng một, mừng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bầu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:

- Coi hai đứa lớn hết tron rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé em. Thiệt đó.

(Áo Tết, Nguyễn Ngọc Tư, in trong *Bánh trái mùa xưa*, năm 2012, NXB Văn học)

(* Cước chú: Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm[...]Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi [...]“Áo tết” là một truyện ngắn nhẹ nhàng mà sâu sắc của nhà văn Nam Bộ Nguyễn Ngọc Tư.)

----- HẾT -----

Ngày kiểm tra: 04/11/2024

Môn: Ngữ văn, Lớp 10

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lý các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10.0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: $5.25=5.3$; $5.75=5.8$

II. ĐÁP ÁN:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	4,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là nghị luận	0,5
	2	Hình ảnh <i>hi vọng</i> được tác giả miêu tả qua những từ ngữ: <i>tuyệt diệu, cong, xoắn, nó khuất đi, nó tan vỡ...</i>	0,5
	3	Việc lặp lại hai từ <i>hi vọng</i> có tác dụng: + Làm cho đoạn trích thêm tính hài hoà, cân đối, nhịp nhàng, sinh động, hấp dẫn; Tăng tính liên kết giữa các câu trong đoạn trích. + Nhấn mạnh vai trò quan trọng của <i>hi vọng</i> trong cuộc sống của mỗi con người.	0,5 0,5
	4	- Cách hiểu về ý kiến: <i>Hi vọng duy trì cuộc sống của chúng ta mà không có gì có thể thay thế được.</i> + Hi vọng là sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua khó khăn, nó trở thành động lực mạnh mẽ, giúp con người có thêm ý chí và niềm tin để tiếp tục phấn đấu. + Không có gì có thể thay thế được hi vọng bởi nó là nguồn sống tinh thần đặc biệt của con người.	0,5 0,5
	5	Học sinh trình bày được thông điệp có ý nghĩa nhất và đưa ra lí do thuyết phục. Ví dụ: Thông điệp: <i>Dừng bao giờ mất hy vọng!</i> . Vì: - Mất hi vọng chúng ta sẽ mất năng lượng và động lực sống. - Có hi vọng, chúng ta sẽ có động lực và hành động mỗi ngày để sống lạc quan.	1,0
II		Viết	6,0
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) bàn về ý nghĩa của sự hi vọng.	
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng(khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25

	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Ý nghĩa của hi vọng trong cuộc sống.	0,25
	c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của hi vọng trong cuộc sống. - Giải thích: hi vọng là niềm tin vào điều tốt đẹp trong tương lai, giúp con người có động lực sống và phấn đấu. - Ý nghĩa của hi vọng: + Giúp con người kiên trì, vượt qua những giai đoạn khó khăn, không gục ngã trước nghịch cảnh. + Tạo động lực để con người vươn tới mục tiêu, giúp họ không ngừng nỗ lực và phát triển bản thân. + Dẫn chứng.... - Bài học...	1,0
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích nhân vật bé Em trong truyện ngắn “Áo tết” của Nguyễn Ngọc Tư.	4,0
	a. Bảo đảm bố cục và dung lượng bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 400 chữ) của bài văn.	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: phân tích, đánh giá nhân vật bé Em trong truyện ngắn “Áo tết” của Nguyễn Ngọc Tư.	0,5
	c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng. * Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận (nhân vật bé Em) * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận - Phân tích, đánh giá hình tượng nhân vật bé Em: + Bé Em có tính cách vui vẻ, hồn nhiên của trẻ thơ (thích khoe đồ mới, tìm cơ hội khoe áo mới của mình, vô tư chia sẻ niềm vui của mình với bạn....) + Dù còn nhỏ tuổi, bé Em đã là một cô bé nhạy cảm và tinh tế (khi nghe Bích nói về hoàn cảnh của mình, bé Em đã khựng lại, nửa muốn khoe nửa muốn không. ...) + Bé Em đã có một cách hành xử vô cùng đẹp khi hiểu hoàn cảnh của bạn (ngày đi chúc tết cô giáo, để bạn không bị mặc cảm, bé em đã mặc	2,5

	<p>đồ hơi giống bạn...)</p> <p>-> Cách hành xử đó xuất phát từ lòng yêu thương, từ sự sâu sắc và tinh tế của tâm hồn của một đứa trẻ.</p> <p>- Nghệ thuật xây dựng nhân vật bé Em:</p> <p>+ Tính cách nhân vật bộc lộ một cách tự nhiên nhất qua tình huống truyện đơn giản.</p> <p>+ Tác giả hóa thân vào nhân vật để miêu tả cụ thể, gợi cảm nội tâm nhân vật (chủ yếu qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ..)</p> <p>+ Suy nghĩ, hành động, tính cách nhân vật được thể hiện qua các hình ảnh đối lập tương phản: mâu thuẫn trong suy nghĩ và cảm xúc của bé Em; tương phản về hoàn cảnh gia đình.</p> <p>+ Lời thoại ngắn gọn, phù hợp đặc điểm nhân vật; Ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ.</p> <p>+ Chi tiết nghệ thuật độc đáo, giúp bộc lộ tính cách, con người của nhân vật.</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Câu chuyện để lại ấn tượng bởi nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo, đặc biệt là hình tượng nhân vật bé Em với những nét đặc sắc về tính cách, suy nghĩ và lòng tử tế.</p> <p>- Câu chuyện đã giúp ta hiểu được rằng: trong tình bạn, trong cách đối xử giữa con người với con người, chúng ta cần đem lòng chân thành mà đối đãi, lấy sự tinh tế mà ứng xử, từ đó mới có thể xây dựng lên được những mối quan hệ bền vững và tốt đẹp.</p> <p><i>* Lưu ý: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đáp ứng được những ý cơ bản trên và phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	<p>0,25</p>
	<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ</p>	<p>0,25</p>
<p>Tổng điểm</p>		<p>10,0</p>

----- Hết -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ

I. Đọc hiểu (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nền tảng của sự thành công nằm ở tính kỷ luật tự giác và được thể hiện thông qua sự tự chủ. Tự chủ là lòng can đảm được sử dụng đúng lúc, là khả năng tự chế ngự và kiểm soát tất cả các trạng thái cảm xúc của bản thân. Nếu ví con người như một chiếc thuyền thì tính tự chủ chính là bánh lái, giữ cho thuyền đi đúng hướng, vượt qua những sóng gió của cuộc đời. Người hạnh phúc nhất chính là người có thể làm chủ được bản thân.

Điềm tĩnh là một trong những biểu hiện của sự tự chủ. Người giữ được điềm tĩnh luôn ẩn chứa trong mình nguồn sức mạnh to lớn. Điềm tĩnh giúp con người giữ được sự sáng suốt trong khi những người khác không còn kiên nhẫn. Khi bị ai đó đổ lỗi, khi mọi lời chỉ trích đều dồn về bạn, khi bạn liên tục vấp ngã hay khi bị bạn bè quay lưng...ấy là những lúc bạn cần đến tính tự chủ và sự điềm tĩnh. Biết chế ngự bản thân và giữ được sự điềm tĩnh, bạn sẽ có được bình yên cũng như sẵn sàng đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của đời mình. Hãy cố gắng giữ được vẻ bình tĩnh và cái tâm bình thản, sáng suốt trong mọi tình huống, bạn nhé!

(Không gì là không có thể - George Matthew Adams, Thu Hằng dịch, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015)

Thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Câu 1. Xác định vấn đề được đề cập đến trong văn bản.

Câu 2. Trình bày khái niệm tự chủ theo quan điểm của tác giả.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: *Nếu ví con người như một chiếc thuyền thì tính tự chủ chính là bánh lái, giữ cho thuyền đi đúng hướng, vượt qua những sóng gió của cuộc đời*

Câu 4. Hãy trình bày cách hiểu của anh/chị về câu nói *Người hạnh phúc nhất chính là người có thể làm chủ được bản thân*

Câu 5. Qua văn bản, anh/chị rút ra thông điệp mà bản thân tâm đắc nhất và giải thích.

II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Từ nội dung gợi ra ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày về ý nghĩa của sự tự chủ trong cuộc sống.

Câu 2 (4,0 điểm).

[...] Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hỗn hào, lười biếng, má nó biểu: "Lại coi thằng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương".

[...] *Tía(1)* anh *Hết* năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn *sỏi(2)* lắm. Ông già khó tính, thêm tật lẫm tai. Người ta mời ông ngồi, ông cười, xua tay: "Ăn rồi. Ăn cơm với thằng *Hết* rồi". Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh *Hết* cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông *Tà* một chút [...].

Bữa nào anh *Hết* cũng chống mộng thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ *tía* anh về. Có bữa chờ tới mồi mồn, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ắm cúng, *tía* tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giờ cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng àng nước. Anh thương *tía* quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh *Hết* mồ *côi má(3)* từ mới lọt lòng [...]. *Tía* anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây vòng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, "Chớ ầu ơ... Cây khô đâu dễ mọc chồi...". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của *tía* anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho *tía*, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt *tía* anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy *rượt(4)* đánh anh hoài đó chớ. *Tía* đầu bạc *rượt* thằng con đầu xanh chạy cà tung đuổi nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh *Hết* sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì *tía* anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiếu thảo hết mình [...]

(Trích **Hiu hiu gió bắc**, Nguyễn Ngọc Tư*, Fanpage Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) cảm nhận về hình tượng nhân vật anh *Hết* trong đoạn trích trên.

----- HẾT -----

1. **Tía**: Từ địa phương dùng để chỉ cha hoặc bố. Đây là cách gọi cha quen thuộc trong nhiều vùng miền Nam.
 2. **Sỏi**: Nghĩa là cứng cỏi; khỏe mạnh, thường dùng để mô tả người cao tuổi vẫn còn khỏe mạnh, minh mẫn.
 3. **Má**: Cách gọi mẹ ở các vùng miền Nam
 4. **Rượt**: Nghĩa là đuổi theo ai đó, thường là đuổi để bắt hay trêu đùa. Trong ngữ cảnh này, "rượt" cho thấy cảnh vui vẻ, hài hước khi người cha đuổi theo con trai.
- * Nguyễn Ngọc Tư là cây bút trẻ, được biết đến với những tác phẩm viết về đời sống và con người miền Tây Nam Bộ. Sinh năm 1976 tại Cà Mau, Nguyễn Ngọc Tư mang đến cho văn học Việt Nam một hơi thở mới từ vùng đất đồng bằng sông Cửu Long, với lối viết giản dị nhưng đầy chất trữ tình và sâu sắc.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lí các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10.0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: $5.25=5.3$; $5.75=5.8$

II. ĐÁP ÁN:

Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU	4,0
1	Vấn đề nghị luận của văn bản: Bàn về ý nghĩa của sự tự chủ trong cuộc sống. <i>* Cách cho điểm:</i> - Trả lời như trên: 0,5 điểm - Trả lời khác hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
2	Theo tác giả: <i>Tự chủ là lòng can đảm được sử dụng đúng lúc, là khả năng tự chế ngự và kiểm soát tất cả các trạng thái cảm xúc của bản thân.</i> <i>* Cách cho điểm:</i> - Trả lời như trên: 0,5 điểm - Trả lời khác hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5

3	<p>- Biện pháp tu từ: So sánh: <i>tính tự chủ</i> với <i>bánh lái</i></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm tăng sức thuyết phục cho câu văn.(0,5 điểm)</p> <p>+ Khẳng định vai trò của tính tự chủ: sẽ luôn giúp cho chúng ta định hướng được cuộc sống của mình, tạo nên sự kiên định, đưa chúng ta vượt qua mọi thử thách của cuộc đời (0,5 điểm)</p> <p><i>* Cách cho điểm:</i></p> <p>- Cho 1,0 điểm khi HS chỉ ra được hình ảnh sử dụng phép tu từ so sánh và nêu đầy đủ 2 tác dụng</p> <p>- Cho 0,5 điểm khi: HS trả lời được 1 trong 2 tác dụng của BPSS</p> <p>- Cho 0 điểm khi HS trả lời sai hoặc không trả lời.</p>	1,0
4	<p>HS có thể đưa ra cách giải thích như sau:</p> <p>Khi ta biết kiểm soát được thái độ, hành động, cảm xúc, lời nói... phù hợp, đúng nơi, đúng lúc; hiểu rõ về bản thân; giữ được kiên nhẫn khi làm việc... sẽ đem đến cho ta sự bình yên trong tâm. Đó là hạnh phúc.</p> <p><i>* Cách cho điểm: HS trình bày quan điểm của mình một cách rõ ràng, hợp lí, có sức thuyết phục, đều đạt điểm tối đa</i></p>	1,0
5	<p>HS có thể rút ra 1 thông điệp khi đọc văn bản như: Sự bình tĩnh; Tính kỷ luật bản thân; sự chủ động trong công việc cũng như trong cuộc sống</p> <p><i>* Cách cho điểm: HS có thể diễn đạt khác, nhưng đúng với tinh thần của đáp án thì vẫn cho điểm tối đa. Giáo viên linh hoạt cho các mức điểm.</i></p>	1,0
II	VIẾT	6.0
1	Viết một đoạn văn nghị luận (150 chữ), trình bày về ý nghĩa của sự tự chủ trong cuộc sống.	2,0
	a. Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự tự chủ trong	0,25

	cuộc sống	
	<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận - Giải thích: Sự tự chủ là làm chủ được cảm xúc, suy nghĩ và hành động của mình, không dễ bị ảnh hưởng quá nhiều bởi hoàn cảnh xung quanh. Người tự chủ có thể giữ bình tĩnh trong những tình huống khó khăn, giúp họ đưa ra quyết định sáng suốt và khôn ngoan hơn. - Ý nghĩa: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp chúng ta vượt qua những cám dỗ, kiên trì theo đuổi mục tiêu, từ đó nâng cao hiệu quả làm việc và học tập. + Giúp ta thành công trong cuộc sống vì nó duy trì động lực và sự kiên định. + Thúc đẩy mối quan hệ xã hội tốt đẹp. + Hoàn thiện bản thân. <p>- Rút ra bài học nhận thức cho bản thân</p>	1,0
	e. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ	0,25
2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) cảm nhận về hình tượng nhân vật anh Hết trong đoạn trích.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học (khoảng 400 chữ)	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nhân vật Hết trong đoạn trích.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận: HS có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, cơ bản đảm bảo các yêu cầu sau:	2,75
	<p>*Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về tác giả, xuất xứ đoạn trích. - Nêu cảm nhận chung về nhân vật trong đoạn trích làm nổi bật tình cảm gia đình, lòng hiếu thảo. 	0,5
	<p>*Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận về nhân vật anh Hết + Tính hiếu thảo: <p>Anh Hết chăm lo cho cha từng bữa ăn, giấc ngủ, làm mọi việc từ nấu</p>	1,25

	<p>nướng đến giặt giũ.</p> <p>Hình ảnh anh chờ cha về, dù đói cũng kiên nhẫn ngồi đợi, cho thấy tình thương và sự kính trọng cha.</p> <p>+ Sự hy sinh thầm lặng:</p> <p>Anh dành phần ngon cho cha, tự nhận những khó khăn về mình, chịu đựng lời trách móc, sự khó tính của cha.</p> <p>Sẵn sàng chịu "mấy roi nhẹ hều" từ cha, chấp nhận để cha vui vẻ, thỏa lòng.</p> <p>+ Tình cảm tình thương vô bờ bến đối với cha: Từ nhỏ đã thiếu mẹ, anh gắn bó với cha, nhớ mãi lời ru xưa của cha, khiến tình cha con thêm phần thiêng liêng. Hình ảnh anh đón cha khi trời mưa, che chở cha "như sinh linh nhỏ bé" thể hiện sự chăm sóc chu đáo và tình yêu thương.</p> <p>- Giá trị nghệ thuật của đoạn trích</p> <p>+ Ngôn ngữ giản dị, đậm sắc thái Nam Bộ: Tác giả sử dụng từ ngữ gần gũi, mộc mạc (như "tía," "má," "rượt") để khắc họa tình cảm gia đình đậm chất miền Nam.</p> <p>+ Miêu tả chi tiết và chân thực: Các chi tiết như "chồng mông thổi lửa" hay "dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa chờ tía" cho thấy hình ảnh người con đầy tình cảm, rất đời thường nhưng xúc động.</p> <p>* Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật và ý nghĩa của đoạn trích trong việc truyền tải tình cảm gia đình, đức tính hiếu thảo và lòng hy sinh thầm lặng ứ nhân vật Hết.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	<p>e. Chính tả: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p>	<p>0,25</p>
	<p>d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày vấn đề sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ</p>	<p>0,25</p>
	<p>Hướng dẫn chấm:</p>	

	<ul style="list-style-type: none">- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,75 điểm- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,0 điểm - 1,5 điểm.- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,5 điểm – 1,0 điểm.	
--	---	--

----- **Hết** -----

Họ và tên học sinh.....Mã số học sinh:.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Người nhìn thế giới qua lăng kính màu hồng cũng được coi là người theo chủ nghĩa lạc quan, khi vấp phải hiện thực nghiệt ngã cũng chỉ có bản thân đau khổ. Tôi đã nghĩ đau khổ là điều không thể tránh khỏi (với cương vị một người lạc quan tôi đã nghĩ như vậy). Tôi tâm niệm việc của bản thân, bản thân nên tự làm.

Tuy nhiên cũng có những người không nghĩ giống tôi. Nếu xảy ra vấn đề, những người bị chiều hư thường hy vọng sẽ được tha thứ, được ai đó trợ giúp, dù đôi khi họ có hành động quá đáng và hay bỏ dở công việc giữa chừng. Thế giới được hình thành và phát triển nhờ mối quan hệ tương hỗ giữa con người với nhau. Nhưng nếu cứ hành động với suy nghĩ sẽ có người tha thứ cho mình, giúp đỡ mình, một lúc nào đó hiện thực sẽ chứng minh cho bạn thấy không ai được phép, cũng không ai đủ khả năng giúp đỡ người khác. Sự giúp đỡ này không phải để thỏa mãn những người bị chiều hư mà nhằm ngăn chặn ảnh hưởng xấu tới những người xung quanh.

Dù có chuyện gì xảy ra, dù ở thời điểm nào, hãy luôn tự chủ tinh thần để bản thân được bình an, tự do tự tại, đừng nuông chiều bản thân hay dựa dẫm vào người khác. Dù có chuyện gì xảy ra bao gồm cả những việc chẳng ai tha thứ hay giúp đỡ bạn, đối phương mới là người quyết định việc giúp đỡ bạn có phiền phức hay không. Nhưng tốt nhất bạn nên từ bỏ lối sống dễ dãi, nuông chiều bản thân thái quá, không quan tâm đến cảm nhận của người khác. Hãy sống một cuộc đời ổn định, an nhiên.

(Trích *Tâm buông bỏ, đời bình an*, Natori Hougen, Nguyễn Thanh Hương dịch, NXB

Thế giới, Tr 75-76)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định vấn đề nghị luận trong đoạn trích trên.

Câu 2. Nêu những thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn văn thứ hai.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp trong đoạn: “*Dù có chuyện gì xảy ra, dù ở thời điểm nào, hãy luôn tự chủ tinh thần để bản thân được bình an, tự do tự tại, đừng nuông chiều bản thân hay dựa dẫm vào người khác. Dù có chuyện gì xảy ra bao gồm cả những việc chẳng ai tha thứ hay giúp đỡ bạn, đối phương mới là người quyết định việc giúp đỡ bạn có phiền phức hay không.*”

Câu 4. Nhận xét mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận trong đoạn trích với nhan đề tác phẩm: *Tâm buông bỏ, đời bình an.*

Câu 5. Trình bày ý kiến của anh/chị đối với lời khuyên của tác giả: *Hãy sống một cuộc đời ổn định, an nhiên.*

II. VIẾT (6,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm).

Từ nội dung phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) đề xuất một giải pháp để giới trẻ hiện nay *từ bỏ lối sống dễ dãi, nuông chiều bản thân thái quá.*

Câu 2 (4,0 điểm).

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá đoạn thơ sau:

*Quặn lòng con khi lúc chiều buông
Mẹ vẫn cõng trên lưng đời cơ cực
Thương mẹ suốt một đời tất bật
Thiếu niềm vui thừa thãi ưu tư.*

*Tương lai con làm tóc mẹ pha màu
Lưng còng xuống gánh đời con trẻ
Để xé chiều bóng nuôi hình lạng lẽ
Quạnh quẽ một mình...
Một mình mẹ mà thôi !!!*

*Con trưởng thành hồng má đỏ môi
Mẹ lụm cụm như con cò mò cá !*

*Con như cây tơ nồn nà phiến lá
Mẹ như hàng so đũa tàn bông !
Mẹ một đời cam phận dòng sông
Khi lớn - khi ròng - ngược - xuôi - vất vả ...
Mang phù sa bồi ruộng đời con.*

(Trích *Nghĩ về hoàng hôn mẹ*, Phan Ngọc Thường Đoàn, NXB Hội Nhà văn, 2009)

Chú thích:

Nhà thơ Phan Ngọc Thường Đoàn tên thật là Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1955 tại Quảng Nam, nguyên quán ở Vĩnh Long. Hiện đang công tác tại báo Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, là Hội viên Hội Nhà văn Việt nam, Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh. Thơ Phan Ngọc Thường Đoàn được bạn đọc yêu mến và biết đến từ những năm 90 của thế kỉ trước. Thơ chị là tiếng lòng của một người phụ nữ giàu tình cảm. Đọc thơ chị, người đọc nhận thấy có nhiều suy tư, trăn trở, những day dứt, chiêm nghiệm trước cuộc đời mà chị gửi gắm trong đó.

Bài thơ “*Nghĩ về hoàng hôn mẹ*” được sáng tác và in trong tập thơ cùng tên vào năm 2009.

----- Hết -----

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

1. Bản Hướng dẫn định hướng các yêu cầu cơ bản của đề bài, giám khảo cần nắm vững đáp án, biểu điểm để đánh giá hợp lý các mức độ năng lực của học sinh.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần linh hoạt trong quá trình chấm, khuyến khích đối với những bài làm có cảm xúc, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức để mở rộng, khơi sâu vấn đề. Những bài viết đủ ý nhưng diễn đạt vụng, không cho điểm tối đa.

3. Tổng điểm toàn bài là 10.0; sau khi cộng điểm toàn bài, có thể làm tròn đến 0,1 chữ số thập phân. Ví dụ: $5.25=5.3$; $5.75=5.8$

II. ĐÁP ÁN:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Vấn đề nghị luận trong đoạn trích: <i>Từ bỏ lối sống dễ dãi, nuôi chiều bản thân.</i> <i>HS có thể trả lời theo cách nhận biết vấn đề tương đương...</i>	0,5
	2	- Thao tác lập luận so sánh - Thao tác lập luận phân tích	0,5
	3	- Phép điệp được sử dụng trong đoạn là: <i>Dù có chuyện gì xảy ra</i> - Tác dụng: + Tạo giọng điệu mạnh mẽ, nhịp nhàng; làm tăng hiệu quả diễn	0,25 0,75

		<p>đạt và sức thuyết phục cho đoạn văn.</p> <p>+ Nhấn mạnh/Khẳng định việc tự chủ của bản thân trong mọi hoàn cảnh.</p>	
	4	<p>- Nhan đề <i>Tâm buông bỏ, đời bình an</i>: thể hiện quan niệm sống đối với cuộc đời con người.</p> <p>- Nội dung nghị luận:</p> <p>+ <i>Đoạn 1</i>: Bản thân cần phải có trách nhiệm với việc của mình</p> <p>+ <i>Đoạn 2</i>: Tuy nhiên, có một số người có quan điểm sai lầm: khi xảy ra vấn đề họ hy vọng sẽ được tha thứ, được trợ giúp, dù họ có hành động quá đáng và hay bỏ dở công việc giữa chừng.</p> <p>+ <i>Đoạn 3</i>: Để có một cuộc đời ổn định, an nhiên cần phải luôn tự chủ tinh thần, đừng nuông chiều bản thân hay dựa dẫm vào người khác.</p> <p>=>Kết luận: Nội dung đoạn trích thể hiện quan niệm sống có an nhiên, ổn định theo hướng có trách nhiệm, tự chủ và không nuông chiều bản thân, góp phần làm sáng tỏ nhan đề</p> <p><i>HS có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau, lý giải phù hợp.</i></p>	1,0
	5	<p>Lời khuyên của tác giả: <i>Hãy sống một cuộc đời ổn định, an nhiên.</i></p> <p>HS có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau, có sự lý giải phù hợp. Có thể theo định hướng sau:</p> <p>+ Đây là lời khuyên đúng đắn.</p> <p>+ Định hướng giới trẻ sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.</p> <p>+ Nên sống yên ổn, tự do tự tại.</p>	1,0
II		LÀM VĂN	6,0
	1	<p>Từ nội dung phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) đề xuất một giải pháp để giới trẻ hiện nay từ bỏ lối sống dễ dãi, nuông chiều bản thân thái quá.</p>	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn</i>	0,25

	<p><i>văn:</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn.</p> <p>Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Đề xuất một giải pháp để giới trẻ hiện nay từ bỏ lối sống dễ dãi, nuông chiều bản thân thái quá.</p>	0,25
	<p><i>c. Đề xuất những ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Nghiêm khắc với bản thân, không dễ dãi trước những cám dỗ trong cuộc sống. + Không chiều chuộng cảm xúc cá nhân để thoả mãn những nhu cầu không chính đáng. + Sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức trong cuộc sống. + Tự thân làm chủ cuộc đời. <p><i>- Lưu ý: thí sinh có thể nêu những giải pháp khác, miễn sao thiết thực, hợp lí.</i></p>	0,5
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đề xuất một giải pháp để giới trẻ hiện nay từ bỏ lối sống dễ dãi, nuông chiều bản thân thái quá. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	0,5

	<p><i>d. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá đoạn thơ sau:</p> <p style="text-align: center;"><i>Quận lòng con khi lúc chiều buông</i></p> <p style="text-align: center;">.....</p> <p style="text-align: center;"><i>Mang phù sa bồi ruộng đời con.</i></p>	4,0
	<p><i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận:</i></p> <p>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 400 chữ) của bài văn.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i></p> <p>Nét đặc sắc nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.</p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</i></p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp được nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng sau:</p> <p>*Mở bài: Giới thiệu về tác giả, bài thơ, đoạn thơ</p> <p>*Thân bài:</p> <p>- <i>Nội dung:</i></p> <p>+ Bài thơ – đoạn thơ ca ngợi công ơn trời biển cũng như đức hy sinh thầm lặng mà người mẹ đã dành cho những đứa con mình: Cả cuộc đời mẹ đã chịu nhiều cơ cực, đắng cay vì tương lai của con.</p> <p>→ Mẹ là người đã quên mình, đã hy sinh tất cả một cách thầm lặng cho con, vì con. Đó là vẻ đẹp truyền thống của những</p>	2,5

	<p>người mẹ, người phụ nữ Việt Nam.</p> <p>+ Bài thơ - đoạn thơ còn là tiếng lòng đầy yêu thương, là lòng biết ơn chân thành của người con trước sự hy sinh cao cả của người mẹ</p> <p>- <i>Nghệ thuật:</i></p> <p>+ Thể thơ tự do giúp nhà thơ bộc lộ tự nhiên cảm xúc của mình.</p> <p>+ Sử dụng phong phú các biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh: <i>Cõng trên lưng đời cơ cực, lưng gánh đời con trẻ, mang phù sa bồi ruộng đời con, mẹ như con cò mò cá, như so đũa tàn bông...</i> nhấn mạnh nỗi vất vả, cơ cực và sự hy sinh hết mình vì con của mẹ.</p> <p>+ Biện pháp đối lập giữa con và mẹ (Con: <i>hông má đỏ môi, nồn nà phiến lá</i> >< <i>mẹ lụm cùm, tàn bông</i>) tô đậm sự hy sinh của mẹ vì con.</p> <p>+ Ngôn ngữ giàu hình ảnh, trực tiếp bộc lộ cảm xúc; giọng thơ giàu cảm xúc với nhiều câu cảm thán,...</p> <p>* <i>Kết bài:</i></p> <p>- Khẳng định khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ - đoạn thơ.</p> <p>- Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức bài thơ - đoạn thơ.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10.0

